

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYÊN KIM PHÚ THỊNH

Địa chỉ: 74F3 Khu ĐTM Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, Hà Nội



**BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ: I NĂM 2013

Gồm các biểu:

- 1. Bảng Cân đối kế toán**
- 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**
- 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**
- 4. Thuyết minh báo cáo tài chính**

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư cuối Quý	
			Số dư cuối Quý	Số dư đầu Quý
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		76.723.129.525	69.140.267.724
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	10.541.538.474	11.622.636.220
Tiền	111		10.541.538.474	11.622.636.220
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		56.561.826.017	49.636.317.461
1. Phải thu khách hàng	131	VI.2	55.977.658.202	47.354.576.178
2. Trả trước cho người bán	132	VI.3	579.178.982	2.276.752.450
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn (tạm ứng)	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
3. Các khoản phải thu khác	135	VI.4	4.988.833	4.988.833
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	-	-
IV. Hàng tồn kho	140		5.062.827.508	3.410.777.481
Hàng tồn kho	141	VI.5	5.062.827.508	3.410.777.481
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.556.937.526	4.470.536.562
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.4	-	-
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		356.937.526	270.536.562
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	VI.5	-	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.6	4.200.000.000	4.200.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		246.781.115.453	246.424.949.758
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.15	-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212	V.16	-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.17	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.18	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.19	-	-
II. Tài sản cố định	220		9.159.910.086	8.803.744.391
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.7	5.647.215.187	5.291.049.492
Nguyên giá	222		6.142.348.789	5.642.348.789
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(495.133.602)	(351.299.297)

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2013

2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.8	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.8	3.512.694.899	3.512.694.899
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		237.500.000.000	237.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.9	237.500.000.000	237.500.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.10	-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.28	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		121.205.367	121.205.367
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		70.622.180	70.622.180
3. Tài sản dài hạn khác	268	VI.11	50.583.187	50.583.187
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		323.504.244.978	315.565.217.482
			-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư cuối Quý	Số dư đầu Quý
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		90.217.426.751	82.615.765.511
I. Nợ ngắn hạn	310		90.217.426.751	82.615.765.511
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.10	-	-
1. Phải trả người bán	312	VI.12	83.316.025.303	75.523.943.011
2. Người mua trả tiền trước	313		-	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.13	5.880.704.982	6.011.726.034
4. Phải trả người lao động	315	VI.13	-	-
5. Chi phí phải trả	316	VI.14	-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
3. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		-	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.020.696.466	1.080.096.466
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.44	-	-
1. Vay và nợ dài hạn	334	VI.16	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	VI.15	-	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	V.48	-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		233.286.818.227	232.949.451.971
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.14	233.286.818.227	232.949.451.971
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		216.000.000.000	216.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.132.896.466	1.132.896.466
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		566.448.233	566.448.233
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.587.473.528	15.250.107.272
10. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
10. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	432	V.51	-	-

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2013

3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	V.52	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		323.504.244.978	315.565.217.482

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối Quý	Số dư đầu Quý
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công vật tư			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược			
Nợ khó đòi đã xử lý			
Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)			
- Euro (EUR)			
- Dollar Singapore (SGD)			
- Yên Nhật (JPY)			
- Dollar Úc (AUD)			
- Bảng Anh (GBP)			
- Dollar Canada (CAD)			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự toán	V.55		

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ THU HOÀI



Tổng Giám đốc

THAI BÁ HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND		Đơn vị tính: VND	
			Quý I/2013	Quý I/2012	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý I/2013	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý I/2012
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		10.111.892.749	-	10.111.892.749	-
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	10.111.892.749	-	10.111.892.749	-
4 Giá vốn hàng bán	11	VII.2	9.350.326.252	-	9.350.326.252	-
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		761.566.497	-	761.566.497	-
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	50.060	3.835.447.809	50.060	3.835.447.809
7 Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8 Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.4	284.158.707	192.422.614	284.158.707	192.422.614
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		477.457.850	3.643.025.195	477.457.850	3.643.025.195
11 Thu nhập khác	31		-	-	-	-
12 Chi phí khác	32	VII.5	13.776.979	20.185.284	13.776.979	20.185.284
13 Lợi nhuận khác	40		(13.776.979)	(20.185.284)	(13.776.979)	(20.185.284)

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2013

14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	463.680.871	3.622.839.911	463.680.871	3.622.839.911
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	126.314.615	918.429.888	126.314.615	918.429.888
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	337.366.256	2.704.410.023	337.366.256	2.704.410.023

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ THU HOÀI



CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

QUÝ I NĂM 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		2.500.050.060	20.749
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(2.820.433.040)	-
- Tiền chi trả cho người lao động	3		(412.119.384)	(181.349.000)
- Tiền chi trả lãi vay	4		-	-
- Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(257.335.667)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		-	26.847.916.667
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(91.259.715)	(49.813.000)
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.081.097.746)	26.616.775.416
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
			-	-
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của ĐV khác	24		-	131.500.000.000
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(110.000.000.000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	10.393
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	21.500.010.393
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
			-	-
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ SH	31		-	-
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.081.097.746)	48.116.785.809
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.622.636.220	12.552.068.136
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.I	10.541.538.474	60.668.853.945

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ THU HOÀI

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2013



Tổng Giám đốc

THAI BÁ HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2013

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013 của Công ty Cổ Phần Luyện Kim Phú Thịnh (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh:

- Kinh doanh bất động sản bao gồm: Đầu tư, xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung, tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại.
- Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô.
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi và công nghiệp.
- Lập các dự án và đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến khoáng sản và luyện kim (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình).
- Mua bán khoáng sản, các thiết bị máy móc khai khoáng, chế biến khoáng sản và luyện kim.
- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm).

3. Công ty con được hợp nhất của Công ty

- Số lượng các Công ty con: 01 Công ty
- Số lượng Công ty con được hợp nhất: 01 Công ty
- ✓ Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Và Luyện Kim Thăng Long - Nghệ An
 - o Địa chỉ: Số 20 Nguyễn Thái Học, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
 - o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
 - o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài Quý I năm 2013 thuộc năm tài chính thứ 06 (sáu) của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 161/2007TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007.

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2013

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Nhật ký chung.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mà Công ty nắm giữ cổ phần chi phối tại ngày 30 tháng 09 năm 2012. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với Công ty con đã được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo Hóa đơn chứng từ.

4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở thời điểm hiện tại.

Phương pháp hạch toán: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

5. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2013

Phương pháp khấu hao áp dụng

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009.

Số năm khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc thiết bị	04 – 05
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05

6. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Quý I năm 2013, Công ty kinh doanh có lãi nên phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp với thuế suất được áp dụng là 25%.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi hàng hóa được chuyển giao quyền sở hữu, xuất hóa đơn giá trị gia tăng và khách hàng đồng ý thanh toán.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

10. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.6

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
(a) Tiền mặt	10.531.933.060	- 11.610.681.798
Công ty CP Luyện Kim Phú Thịnh	677.232.879	1.727.912.257
Công ty TNHH MTV KS và LK Thăng Long - Nghệ An	9.854.700.181	9.882.769.541
(b) Tiền gửi ngân hàng – VND	11.014.202	13.363.210
Công ty CP Luyện Kim Phú Thịnh	9.605.414	11.954.422
Công ty TNHH MTV KS và LK Thăng Long - Nghệ An	1.408.788	1.408.788
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	10.542.947.262	11.624.045.008

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2013

2. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty CP Luyện Kim Phú Thịnh</i>	55.977.658.202	47.354.576.178
<i>Công ty TNHH MTV KS và LK Thăng Long - Nghệ An</i>	0	0
Cộng	55.977.658.202	47.354.576.178

3. Trả trước cho người bán

<i>Công ty CP Luyện Kim Phú Thịnh</i>	579.178.982	2.276.752.450
<i>Công ty TNHH MTV KS và LK Thăng Long - Nghệ An</i>		
Cộng	579.178.982	2.276.752.450

4. Các khoản phải thu khác

<i>Công ty CP Luyện Kim Phú Thịnh</i>	4.988.833	4.988.833
<i>Công ty TNHH MTV KS và LK Thăng Long - Nghệ An</i>		
Cộng	4.988.833	4.988.833

5. Hàng tồn kho

<i>Công ty CP Luyện Kim Phú Thịnh</i>	1.197.236.915	1.197.836.915
<i>Nguyên vật liệu</i>	3.641.360.128	2.123.488.380
<i>Hàng hóa</i>	223.630.465	89.452.186
<i>Chi phí SXKD dở dang</i>	1.197.236.915	1.197.836.915
<i>Công ty TNHH MTV KS và LK Thăng Long - Nghệ An</i>		
Cộng	5.062.827.508	3.410.777.481

6. Tài sản ngắn hạn khác

<i>Tạm ứng của cán bộ nhân viên phục vụ công việc</i>		
<i>Công ty TNHH MTV KS và LK Thăng Long - Nghệ An</i>	4.200.000.000	4.200.000.000
Cộng	4.200.000.000	4.200.000.000

7. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Tại ngày đầu năm	245.634.132	10.726.364	5.385.988.293	5.642.348.789
2. Tăng trong kỳ	-	-	500.000.000	500.000.000
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Tại ngày cuối kỳ	245.634.132	10.726.364	5.885.988.293	6.142.348.789
II. Hao mòn lũy kế				
1. Tại ngày đầu năm	240.957.673	6.118.009	104.223.615	351.299.297
2. Tăng trong kỳ	4.676.447	893.865	138.263.993	143.834.305
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Tại ngày cuối kỳ	245.634.120	7.011.874	242.487.608	495.133.602
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	4.676.459	4.608.355	5.281.764.678	5.291.049.492

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2013

2. Tại ngày cuối kỳ	12	3.714.490	5.643.500.685	5.647.215.187
----------------------------	-----------	------------------	----------------------	----------------------

Nguyên giá Tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng : không có

Giá trị còn lại của Tài sản cố định mang đi cầm cố thế chấp các khoản vay: không có

(*) Tài sản cố định khác tăng lên trong kỳ là của Mỏ Eo Dông

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu năm
<i>Công ty CP Luyện kim Phú Thịnh</i>	445.892.727	445.892.727
Chi phí đầu tư khai thác mỏ Nậm Có	445.892.727	445.892.727
<i>Công ty TNHH MTV KS và LK Thăng Long - Nghệ An</i>	3.066.802.172	3.066.802.172
Chi phí đầu tư khai thác mỏ Võ Nguyên	2.088.804.112	2.088.804.112
Chi phí đầu tư khai thác mỏ Tổng Phái	549.807.994	549.807.994
Chi phí đầu tư khai thác mỏ Bản Can	428.190.066	428.190.066
Cộng	3.512.694.899	3.512.694.899

9. Đầu tư dài hạn khác

<i>Công ty CP Luyện kim Phú Thịnh</i>		
(a) Công ty CP Chi Kẽm Yên Bái	167.500.000.000	167.500.000.000
(b) Công ty TNHH MTV XNK Yên Bái Lào Cai	70.000.000.000	70.000.000.000
Cộng	237.500.000.000	237.500.000.000

10. Tài sản dài hạn khác

	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu năm
<i>Công ty TNHH MTV KS và LK Thăng Long - Nghệ An</i>	50.583.187	50.583.187
Ký quỹ phục hồi môi trường	50.583.187	50.583.187
Cộng	50.583.187	50.583.187

11. Phải trả cho người bán

<i>Công ty CP Luyện Kim Phú Thịnh</i>	73.247.190.561	89.156.835.005
Cộng	73.247.190.561	89.156.835.005

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2012	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số dư 31/12/2012
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.006.737.201	126.314.615	257.335.667	5.875.716.149
Thuế thu nhập cá nhân	4.988.833	-	-	4.988.833
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
- Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Các khoản phải nộp khác	-	5.733.567	5.733.567	-
Tổng cộng	6.011.726.034	135.048.182	266.069.234	5.880.704.982

• Thuế giá trị gia tăng

— Công ty áp dụng Luật Thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2013

- Phương pháp tính thuế: Phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất 10%: Hàng bán trong nước.
- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**
(Xem thuyết minh số V.7).
- **Các loại thuế khác**
Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

13. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiết biến động vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm	216.000.000.000	1.132.896.466	566.448.233	15.250.107.272	232.949.451.971
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	373.210.278	373.210.278
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(35.844.022)	(35.844.022)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	216.000.000.000	1.132.896.466	566.448.233	15.587.473.528	233.286.818.227

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu năm
Lợi nhuận chưa phân phối Quý trước chuyển sang	0	15.250.107.272
Lợi nhuận chưa phân phối phát sinh kỳ này	337.366.256	
Phân phối lợi nhuận năm 2011	2.832.241.165	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	1.132.896.466	
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	1.132.896.466	
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	566.448.233	
Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang kỳ sau	15.587.473.528	

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
Doanh thu bán hàng	10.111.892.749	
Các khoản giảm trừ doanh thu	0	-
Cộng doanh thu thuần	10.111.892.749	

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán	9.350.326.252	
Cộng	9.350.326.252	

3. Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi Ngân hàng	50.060	18.748
Lãi cho vay		

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2013

Cộng	50.060	18.748
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
Chi phí nhân viên quản lý	185.729.384	181.349.000
Chi phí khấu hao	1.612.614	4.865.614
Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	6.178.000
Chi phí bằng tiền khác	90.816.709	30.000
Cộng	284.158.707	192.422.614
5. Chi phí khác		
Chi phí khác	6.002.317	806.250
Cộng	6.002.317	806.250

6. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	463.680.871	3.622.839.911
- Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	5.733.567	-
- Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	0	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	4.178.978.012	-
- Thuế suất thuế TNDN phải nộp	25%	25%
- Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	126.314.615	918.429.888

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về bộ phận

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty Cổ phần Luyện Kim Phú Thịnh hoạt động kinh doanh tại Thành phố Hà Nội. Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Và Luyện Kim Thăng Long - Nghệ An (công ty con) hoạt động kinh doanh tại Tỉnh Nghệ An.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Quý I/ 2013
Tại Thành phố Hà Nội	10.111.892.749
Tại Tỉnh Nghệ An	-
Cộng	10.111.892.749

2. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính		

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2013

Tiền và các khoản tương đương tiền	686.838.293	1.739.866.679
Phải thu khách hàng	55.977.658.202	47.354.576.178
Các khoản phải thu khác	4.988.833	4.988.833
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	237.500.000.000	237.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Cộng	294.169.485.328	286.599.431.690
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	83.316.025.303	75.523.943.011
Các khoản phải trả khác	-	-
Cộng	83.316.025.303	75.523.943.011

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam. Các ngân hàng này đều là các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Số cuối năm/kỳ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
- Phải trả cho người bán	83.316.025.303	-	-	83.316.025.303
- Các khoản phải trả khác	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2013

Cộng	83.316.025.303	-	-	83.316.025.303
Số đầu năm				
- Phải trả cho người bán	75.523.943.011	-	-	75.523.943.011
- Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	75.523.943.011	-	-	75.523.943.011

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

5. Thông tin so sánh

- Số liệu đầu kỳ được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt.

- **Kết quả Lợi nhuận sau thuế Quý 1 năm 2013 so với Quý 1 năm 2012**

So sánh kết quả kinh doanh Quý 1 năm 2013 với Quý 1 năm 2012 thấy: kết quả lợi nhuận sau thuế Quý 1 năm 2012 là: **2.367.043.767đ** so với Quý 1 năm 2013 vì những nguyên nhân sau:

Doanh thu Quý 1 năm 2012 toàn bộ là Doanh thu từ hoạt động tài chính (lãi tiền cho vay) nên mức Doanh thu và lợi nhuận rất cao và chi phí thì rất thấp. Năm 2013 đơn vị đã áp dụng chính sách chuyển dịch cơ cấu hàng bán, cải tiến phương pháp kinh doanh, đẩy mạnh đầu tư phát triển ngành nghề chính (Khoáng sản, luyện kim) của Công ty phát triển nhằm tạo chỗ đứng trên thị trường bền vững và ổn định.

6. Nghiệp vụ các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Bà Nguyễn Thị Hoa	Cổ đông
Bà Trịnh Thị Hòa	Cổ đông
Ông Ngô Văn Hiến	Cổ đông
Ông Nguyễn Văn Dũng	Cổ đông
Ông Vũ Văn Hải	Cổ đông
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Cổ đông
Bà Lê Thị Oanh	Cổ đông
Bà Vũ Thị Thu	Cổ đông
Nhà đầu tư khác	Cổ đông

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ THU HOÀI



Tổng Giám đốc

THÁI BA HIỀN